**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN HƯNG HÀ**
**TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27-4-2018
"V/v Ly hôn giữa chị D
và anh S"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Mạnh Hà.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Nguyễn Văn Thực
2. Bà Trần Thị Thủy
***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Trường là thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà.

Ngày 27-4-2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2018/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn***: Chị Trần Thị D, sinh năm 1971, (có mặt)
Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

***Bị đơn***: Anh Bùi Quốc S, sinh năm 1965, (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Minh X, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày*: Chị với anh Bùi Quốc S kết hôn với nhau do đôi bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 06-02-1990. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S chơi bời cờ bạc dẫn đến kinh tế giá đình khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh S không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân (viết tắt TAND) huyện Hưng Hà giải quyết cho chị được ly hôn anh S. Chị và anh S có 03 con chung là Bùi Thị H, sinh ngày 17-11-1992, Bùi Thị L, sinh ngày 03-3-1996 và Bùi Việt D, sinh ngày 09-03-2008. Đến nay cháu H và cháu T đã trưởng thành, tự lập về kinh tế nên không phải nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng ly hôn, chị xin được

trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dũng và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Chị và anh S không có tài sản chung, không vay nợ gì ai.

*Tại bản tự khai ngày 13-3-2018, bị đơn anh Bùi Quốc S trình bày*: Anh với chị Trần Thị D kết hôn với nhau do đôi bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 06-02-1990. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị D có biểu hiện quan hệ nam nữ bất chính, về nhà coi thường anh, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị D không còn, anh nhất trí ly hôn với chị D. Anh và chị D có 03 con chung như lời trình bày của chị D, đến nay hai cháu lớn đã trưởng thành nên không phải nuôi dưỡng, chỉ phải nuôi dưỡng cháu nhỏ là Bùi Việt Dũng, nếu chị D có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu D thì anh nhường chị D, nếu chị D không nuôi thì anh xin được nuôi con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Anh và chị D không có tài sản gì chung, không vay nợ gì ai.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:

[2] Chị Bùi Thị Dương khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Bùi Quốc S, anh S cư trú tại: Thôn Minh Xuyên, xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[3] Tại Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 13-3-2018, anh S xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án với lý do bận công việc, vì vậy Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ; vụ án không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vì vậy phiên tòa xét xử vụ án không có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà.

[4] *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị D và anh Bùi Quốc S kết hôn với nhau do đôi bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 06-02-1990, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay, nay cả chị D và anh S đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần xử cho ly hôn giữa chị D và anh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về nuôi con chung*: Chị D và anh S có 03 con chung là Bùi Thị H, sinh ngày 17-11-1992, Bùi Thị L, sinh ngày 03-3-1996 và Bùi Việt D, sinh ngày 09-03-2008. Xét thấy đến nay cháu Hoa và cháu Hằng đã trưởng thành nên không phải giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng; cháu D hiện đang ở với chị D, và cháu có nguyện vọng được ở với mẹ, vì vậy cần giao cháu Dũng cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con cùng chị là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình

[6] *Về chia tài sản*: Chị D và anh S đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung.

[7] *Về án phí*: Chị D phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên***,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**:

1. ***Về hôn nhân***: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị D và anh Bùi Quốc S.

2. ***Về nuôi con chung***: Giao cháu Bùi Việt D, sinh ngày 09-03-2008 cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh Bùi Quốc S cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. ***Về chia tài sản***: Chị D và anh S không có tài sản chung.

4. ***Về án phí***: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005070 ngày 05-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, chị D đã nộp đủ tiền án phí.

5. Chị Trần Thị D có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Bùi Quốc S vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Nơi nhận**:
- Đương sự
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THA huyện Hưng Hà;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.